

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TƯ NGHĨA  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 12/2023/DS-ST

Ngày: 19 - 9 - 2023.

V/v: “ *Tranh chấp hợp đồng tín dụng* ”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Quang.
2. Ông Nguyễn Hồng Sơn.

**Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Quốc Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 50/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 02 năm 2023 về việc “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng ”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2023/QĐXXST - DS ngày 09/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số:75/2023/QĐST - DS ngày 08/9/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Th .

Địa chỉ Trụ Sở: Số 278 N, phường Võ Thị S, Quận 3, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc T, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc M - Chức vụ: Nhân viên Công ty TMHHMTV quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Th, theo Văn bản ủy quyền số: 2535A/2022/ GUQ-PL ngày 12/10/2022 của Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Th.(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: bà Phan Thị Tuyết Nh, sinh 1969 (vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Q.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn khởi kiện ngày 09/7/2020, bản tự khai ngày 19/7/2023 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án phía nguyên đơn trình bày: Ngày 02/8/2019 bà Nh ký với Ngân hàng TMCP Th hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, căn cứ vào thu nhập

của bà Nh, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với mức sử dụng là 35.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,5%/tháng. Sau khi cấp thẻ tín dụng, bà Nh đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 86.955.700 đồng. Quá trình sử dụng thẻ từ khi kích hoạt thẻ đến nay bà Nh đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 80.194.900 đồng (chi tiết các lần thanh toán thẻ hiện tại bản sao kê tóm tắt kèm theo). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng tại Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần Ngân hàng làm việc, nhắc nhở nhưng bà Nh vẫn không thiện chí trả nợ. Bà Nh đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng. Ngày 02/5/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang quá hạn. Tính đến ngày 19/7/2023 bà Nh còn nợ Ngân hàng như sau: Nợ gốc: 21.673.266 đồng, nợ lãi quá hạn là: 31.993.809 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phan Thị Tuyết Nh trả nợ tổng số tiền tạm tính đến ngày 19/7/2023 là **58.667.075 đồng** (Năm mươi tám triệu, sáu trăm sáu mươi bảy ngàn, không trăm bảy mươi lăm đồng). Trong đó tiền gốc: 21.673.266 đồng; Nợ lãi quá hạn: 36.993.809 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 20/7/2023 cho đến khi trả nợ xong theo hợp đồng.

- Bị đơn bà Phan Thị Tuyết Nh không đến Tòa trình bày.

- Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi nghị án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Đối với nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 12/4/2022, bị đơn vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ Luật tố tụng dân sự. Đề nghị tiến hành xét xử vụ án.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Th – Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản. Bà Phan Thị Tuyết Nh phải chịu án phí sơ thẩm theo qui định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện T, về việc yêu cầu cung cấp thông tin và qua xác minh ngày 04/8/2023 thì bị đơn bà Phan Thị Tuyết Nh có đăng ký hộ khẩu thường trú tại, Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Q, ngoài ra không có địa chỉ cư trú nào khác nên Tòa án nhân dân huyện T căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền

[1.2]. Về xét xử vắng mặt bị đơn: Theo biên bản xác minh ngày 04/7/2023 của Tòa án, Công an xã N cho biết bà Nh hiện nay không có địa phương, sinh sống ở đâu không biết. Bà Nh vẫn còn hộ khẩu thường trú tại địa phương, cha mẹ bà hiện nay sinh sống tại địa phương. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án các văn bản tố tụng Tòa án đều thực hiện đầy đủ và hợp lệ được quy định tại các Điều 173, Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 12/4/2022 vắng mặt có lý do, bị đơn vắng mặt không có lý do trong hai lần mở phiên tòa xét xử, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Ngày 02/8/2019 bà Nh ký kết với Ngân hàng TMCP Th hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với mức sử dụng là 35.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,5%/tháng. Sau khi cấp thẻ tín dụng, bà Nh đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 86.955.700 đồng. Quá trình sử dụng thẻ từ khi kích hoạt thẻ đến nay bà Nh đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 80.194.900 đồng (chi tiết các lần thanh toán thẻ hiện tại bản sao kê tóm tắt kèm theo). Qua nhiều lần Ngân hàng làm việc, nhắc nhở nhưng bà Nh vẫn không thiện chí trả nợ. Bà Nh đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng. Ngày 02/5/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang quá hạn. Tạm tính đến ngày 19/7/2023 bà Nh còn nợ Ngân hàng tổng số tiền **58.667.075 đồng**, trong đó: Nợ gốc: 21.673.266 đồng, nợ lãi quá hạn là: 31.993.809 đồng (chi tiết các lần thanh toán thẻ hiện tại bản sao kê tóm tắt kèm theo). Bà Nh còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 20/7/2023 cho đến khi trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 02/8/2019. Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định, phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Phan Thị Tuyết Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Th.

[5] Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, khoản 1 Điều 40; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Các Điều 357, 463, 466 và Điều 468 Luật Dân sự năm 2015. Khoản 1, khoản 2 Điều 91 và khoản 5 Điều 95 Luật tổ chức tín dụng. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Th.

Buộc bà Phan Thị Tuyết Nh trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Th số tiền tạm tính đến ngày 19/7/2023 tổng số tiền **58.667.075 đồng** (Năm mươi tám triệu, sáu trăm sáu mươi bảy ngàn, không trăm bảy mươi lăm đồng), trong đó: Nợ gốc: 21.673.266 đồng, nợ lãi quá hạn là: 31.993.809 đồng (chi tiết các lần thanh toán thể hiện tại bản sao kê tóm tắt kèm theo). Bà Nh còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 20/7/2023 cho đến khi trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 02/8/2019.

2. Về án phí: Bà Phan Thị Tuyết Nh phải chịu số tiền 2.933.353 đồng, tiền án phí dân sự sơ thẩm (58.667.075 đồng x 5%). Hoàn trả lại số tiền 1.299.200 đồng, tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Th nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0068046 ngày 28/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Qì;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS TP H;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Ngọc Thông**



































































































































































*Trước khi kết hôn chị và anh Duy có tìm hiểu yêu đương do ông thương hoàn cảnh gia đình của cô Thiện. Ông và cô Thiện đến đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Chánh Lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 19/8/2013.*

*Quá trình chung sống vợ chồng sống không có hạnh phúc thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính khí cô Thiện bất thường hay la chửi chồng con một cách vô cớ, sự chênh lệch về tuổi tác quá lớn. Ông và con thường xuyên khuyên giải nhưng bản tính cô Thiện không thay đổi. Vợ chồng sống ly thân không còn quan hệ với nhau.*

*Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn anh Phan Thị Ngọc Thiện.*

*Về con chung: Có 01 con tên Nguyễn Thị Thanh Hiền, sinh ngày 13/8/2006. Ông yêu cầu được quyền nuôi con yêu cầu Phan Thị Ngọc Thiện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.*

*Về sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.*

*Về nợ chung, nợ riêng: Không có (không nợ Ngân hàng và cũng không nợ bất kỳ ai).*

*- Bị đơn bà Phan Thị Ngọc Thiện đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, nhưng bà Thiện không có văn bản trình bày ý kiến, đến Tòa để làm việc bà từ chối trình bày về việc nguyên đơn khởi kiện.*

*- Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

*+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi nghị án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Đối với nguyên đơn thực hiện đúng các Điều 70 và Điều 71 Bộ luật*

*Tố tụng Dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định các Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.*

*+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Châu. Ông Châu phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn theo qui định.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định.*

#### **[1] Về tố tụng:**

*[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đều cư trú tại huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.*

*[1.2]. Về xét xử vắng mặt bị đơn: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ và hợp lệ cho bà Phan Thị Ngọc Thiện được quy định tại Điều 174 và Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bà Thiện Đề không hợp tác và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình. Bà Thiện vắng mặt không có lý do trong hai lần mở phiên tòa xét xử. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Thiện.*

#### **[2] Về nội dung:**

*[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Châu và bà Phan Thị Ngọc Thiện có đăng ký kết hôn ngày 19/8/2013 tại Ủy ban nhân dân phường Chánh Lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ được quy định tại các Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.*

*Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo lời trình bày của ông Châu trong quá trình vợ chồng ông, bà chung sống với nhau không có hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tuổi tác chênh lệch, tính khí bà Thiện bất thường hay la chửi chồng con một cách vô cớ, tình cảm vợ chồng không còn. Ông xin được ly hôn bà Thiện.*

*Đối với bà Phan Thị Thiện trong quá trình Tòa thụ lý giải quyết, Tòa án triệu tập bà đến làm việc thì bà không có ý kiến trình bày theo yêu cầu của Tòa án mà có văn bản không đúng với nội dung mà Tòa không yêu cầu, không hợp tác, có thái độ cố tình tránh né. Bà Thiện cũng đã nhận nhiều văn bản tố tụng của Tòa nhưng không đến, Hội đồng xét xử cần phê phán thái độ thiếu ý thức của bà Thiện.*

Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ nhưng ông Châu và bà Thiện không làm được. Cụ thể vào năm 2012 ông Châu có khởi kiện ly hôn, Tòa đã thụ lý nhưng sau đó ông Châu rút đơn khởi kiện và về chung sống lại với bà Thiện. Nhưng quá trình chung sống vợ chồng ông bà tình cảm không tiến triển mà còn trở nên trầm trọng, tuy ông bà ở chung một nhà nhưng không quan tâm lẫn nhau, sống ly hôn. Xét tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân cũng chỉ là ràng buộc. Do đó, để giải phóng cho ông Châu bà Thiện có cuộc sống riêng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn Châu được ly hôn bà Phan Thị Ngọc Thiện.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thanh Hiền, sinh ngày 13/8/2006, ông Nguyễn Văn Châu xin được tiếp tục nuôi con, nguyện vọng của Châu Hiền được ở với ông Châu, nên được chấp nhận. Tại phiên tòa ông Châu thay đổi ý kiến không yêu cầu bà Thiện cấp dưỡng nuôi con, nên chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Ông Châu không yêu cầu Tòa giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này ông Châu, bà Thiện xét thấy quyền lợi của mình bị ảnh hưởng thì ông bà có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Về nợ chung: Ông Châu trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định, phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông Châu phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ

*Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

*Tuyên xử:*

*1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Châu được ly hôn bà Phan Thị Ngọc Thiện.*

*2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thanh Hiền, sinh ngày 13/8/2006 cho ông Nguyễn Văn Châu tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Châu không yêu cầu anh Phan Thị Ngọc Thiện cấp dưỡng nuôi con.*

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.*

*3. Về tài sản chung: Ông Châu không yêu cầu Tòa giải quyết.*

*4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Châu chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) ông Châu đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0007199 ngày 15/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.*

*5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.*

*Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.*

**Các Hội thân nhân dân  
tòa**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên**

**Tân Văn Dũng**

**Chu Thị An**

**Võ Ngọc Thông**

**Nơi nhận:**  
**THẨM**

-TAND tỉnh Quảng Ngãi;

**tòa**

- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND TT La Hà, huyện Tư Nghĩa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên**

**Võ Ngọc Thông**

*CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN*

*THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ*